CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cao su Tây Ninh

Ngày 31/12/2025	77,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.5%	**9.8%**	**18.4%**

DT thuần
Q4/25
246
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00| 3.1%
YoY: ▼50.0| -16.8%

LN thuần
Q4/25
33.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.0| -60.6%
YoY: ▼93.2| -73.4%

LN sau thuế
Q4/25
37.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼79.5| -68.0%
YoY: ▼82.5| -68.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
33.9%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE
2025
13.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

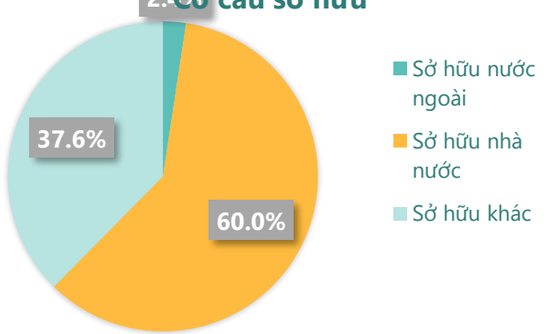
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	49,612 - 84,196
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,310
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,425
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	0.57
EPS	8,669
P/E	8.9

DT thuần
2025
844
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 100| 13.4%

LN thuần
2025
231
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0| 10.8%

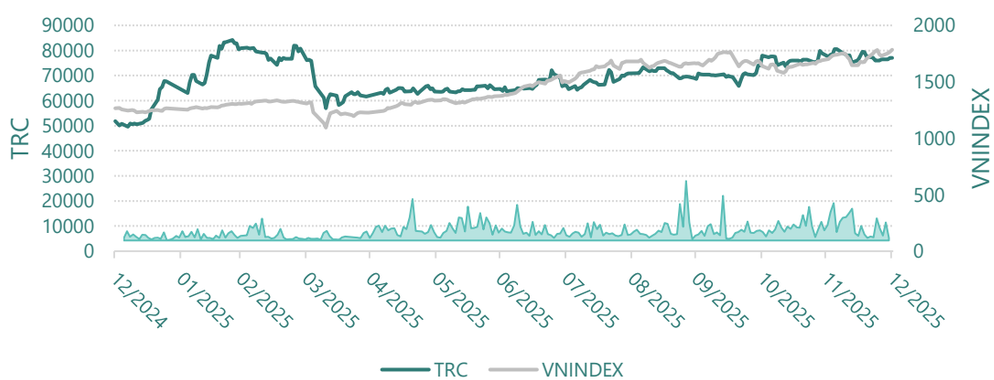
LN sau thuế
2025
260
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0| 17.5%

Cơ cấu sở hữu

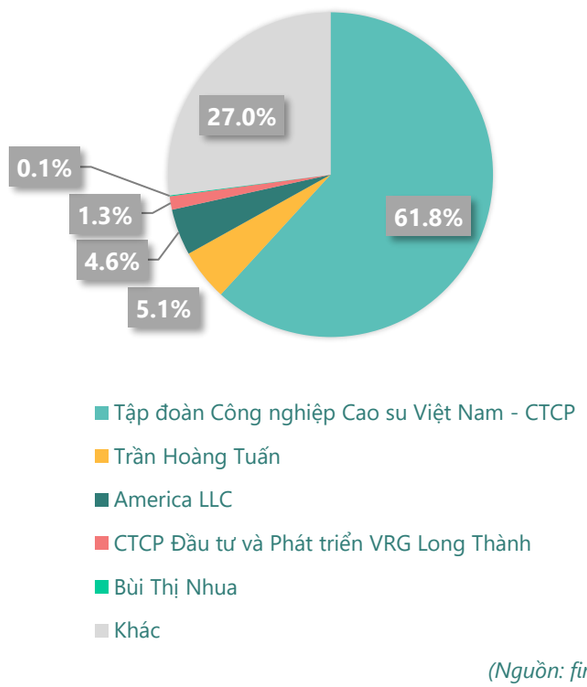


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



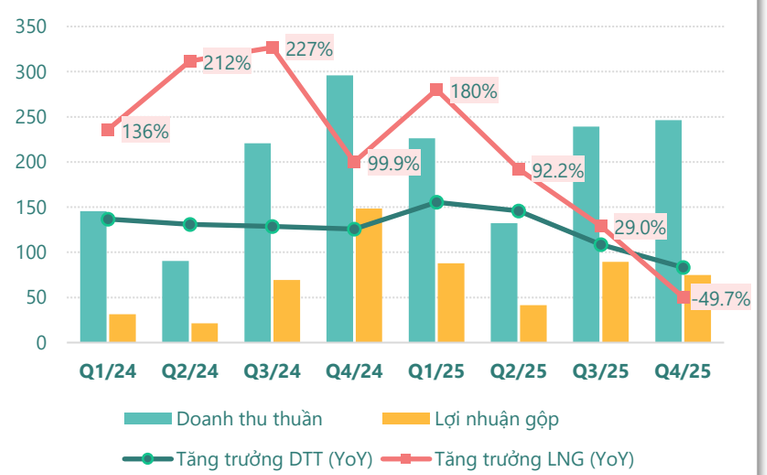
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

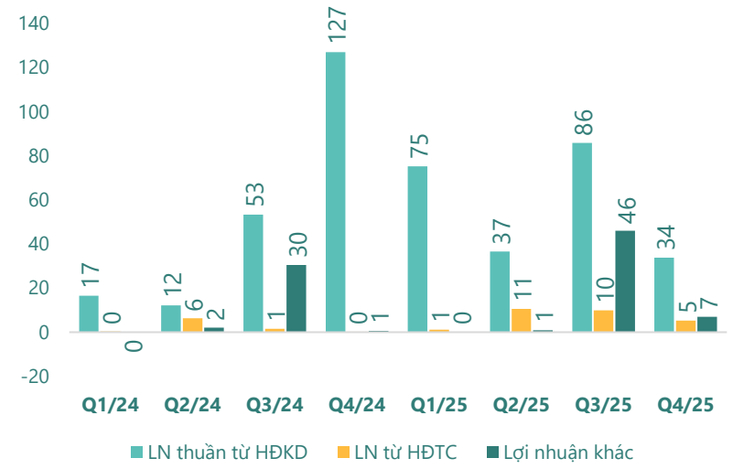
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



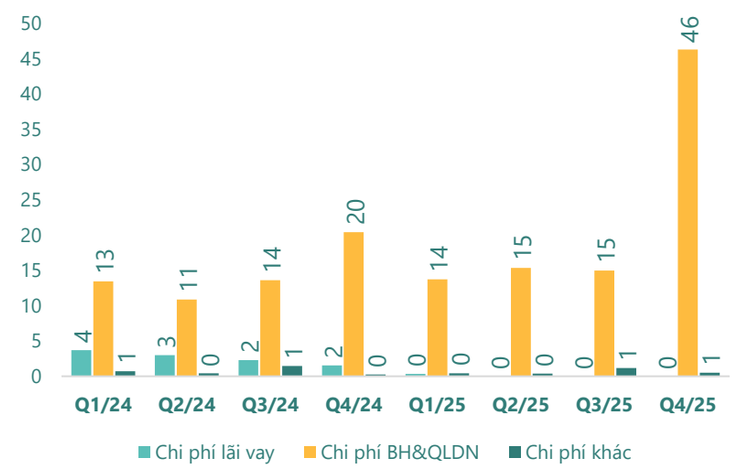
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



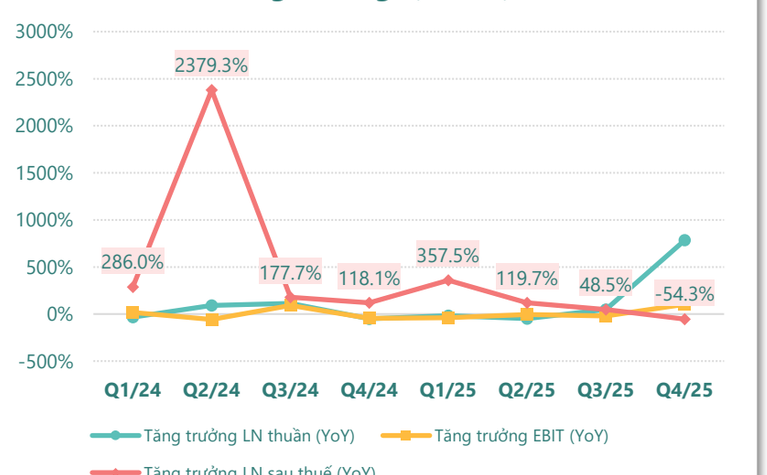
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



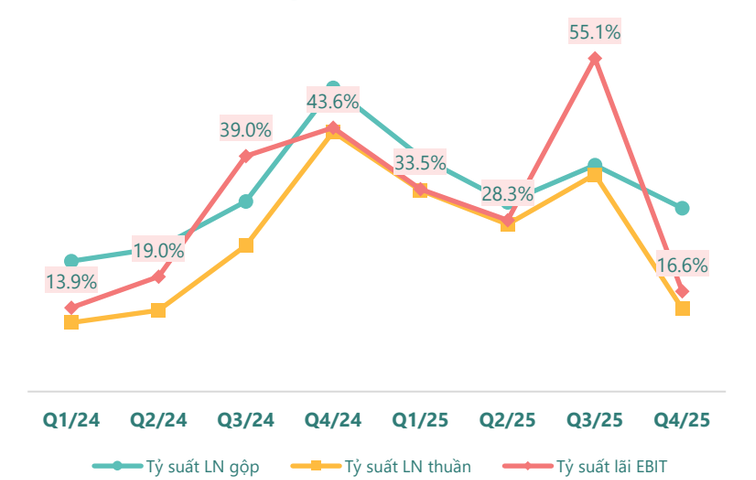
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



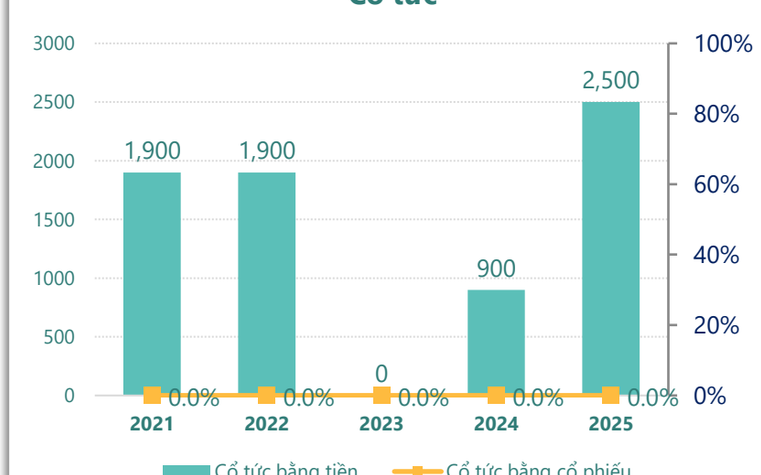
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

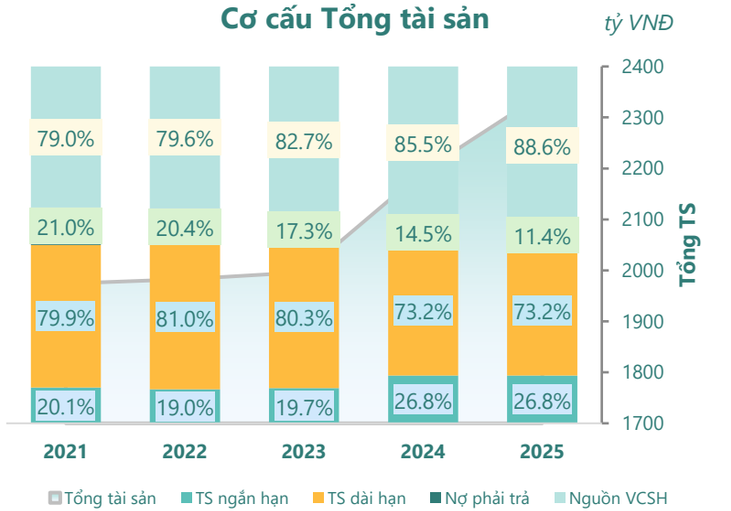
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

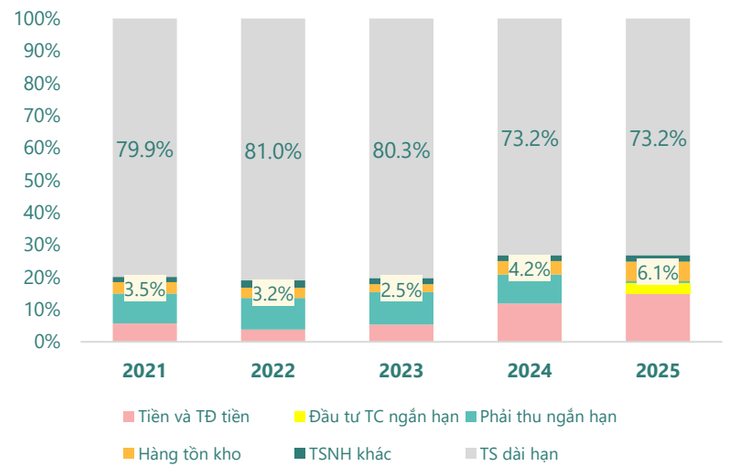
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



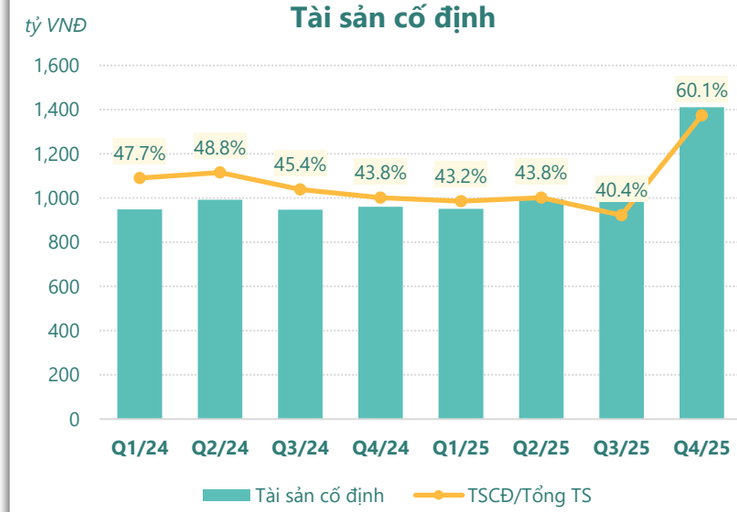
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



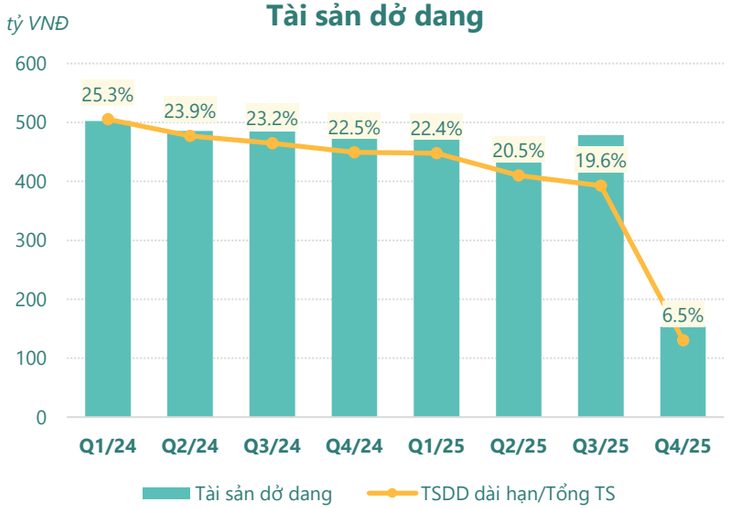
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



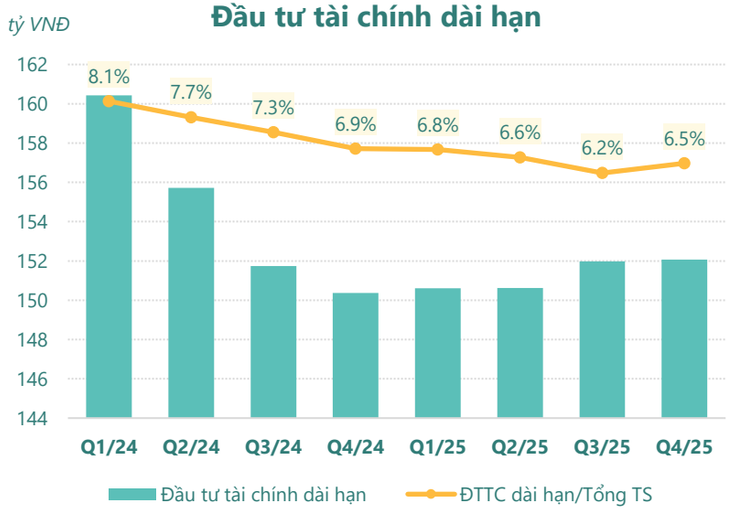
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



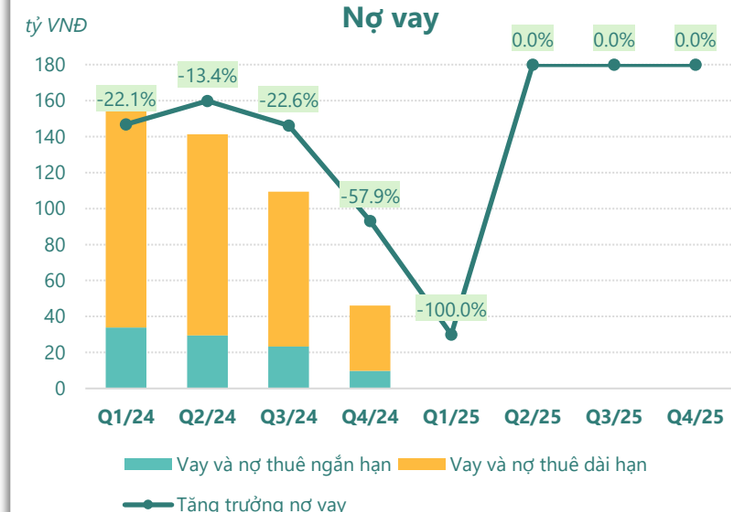
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

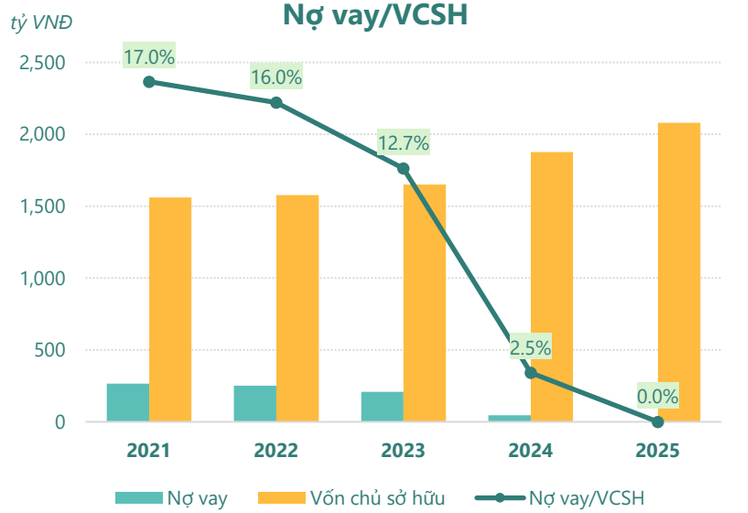
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

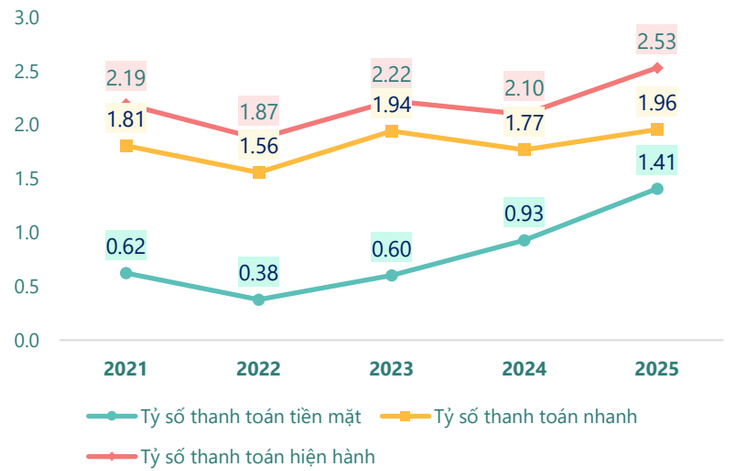
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



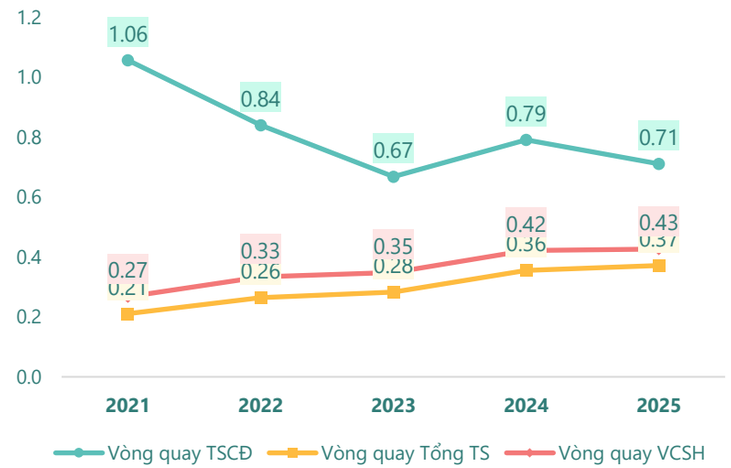
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



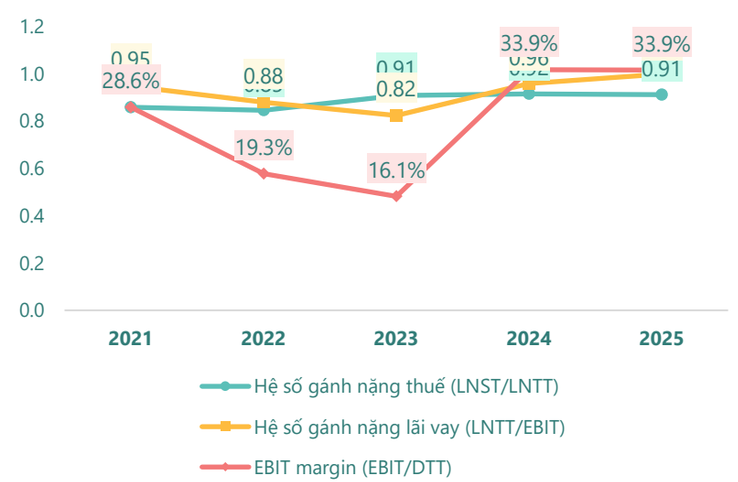
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



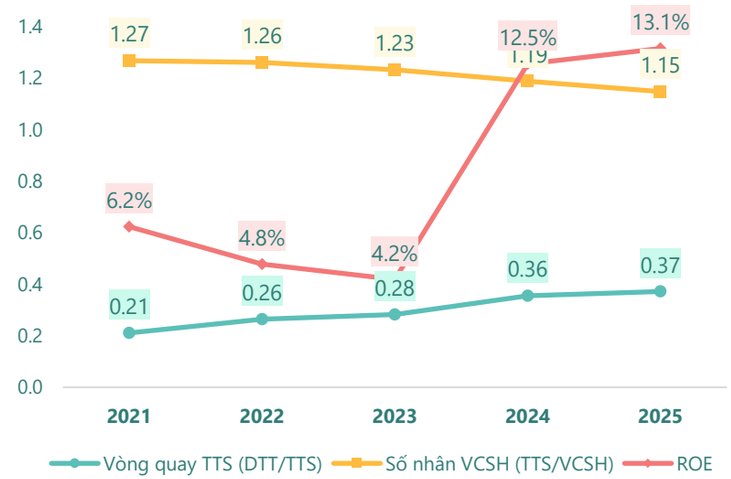
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



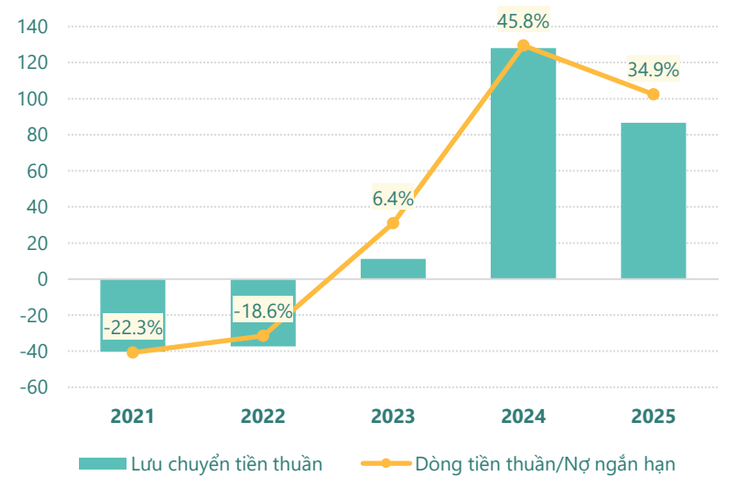
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**246**	**296**	**-16.8%**	**844**	**744**	**13.4%**
Giá vốn hàng bán	172	147	16.7%	550	473	16.3%
Lợi nhuận gộp	74.7	149	-49.8%	293	271	8.3%
Doanh thu HĐTC	5.34	1.83	192%	27.3	19.0	43.4%
Chi phí TC	0.02	1.61	-98.5%	0.46	10.6	-95.6%
Chi phí lãi vay	0.00	1.54	-99.9%	0.34	10.5	-96.8%
LN trong công ty LKLD	**0.09**	**-1.37**	**107%**	**1.53**	**-11.7**	**113%**
Chi phí bán hàng	4.13	3.66	12.8%	9.19	10.6	-13.0%
Chi phí QLDN	**42.2**	**16.8**	**151%**	**81.2**	**48.1**	**68.7%**
LN thuần từ HĐKD	33.8	127	-73.4%	231	209	10.8%
Lợi nhuận khác	**6.94**	**0.58**	**1096%**	**53.9**	**32.9**	**63.8%**
LN trước thuế	40.8	128	-68.1%	285	242	18.0%
Lợi nhuận sau thuế	**37.5**	**120**	**-68.8%**	**260**	**221**	**17.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**37.5**	**120**	**-68.8%**	**260**	**221**	**17.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	152	139	62.2	4.80	123	30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	33.2	7.36	-0.02	-2.61	116	-77.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.0	-91.8	-45.8	-0.25	-45.9	-77.8
Tiền đầu kỳ	72.7	203	260	277	290	474
Lưu chuyển tiền thuần	**157**	**55.0**	**16.4**	**1.94**	**193**	**-125**
Ảnh hưởng tỷ giá	-26.2	1.65	0.32	11.1	-8.32	-0.70
Tiền cuối kỳ	203	260	277	290	474	349

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,346**	**2,194**	**6.9%**
Tài sản ngắn hạn	628	588	6.8%
Tiền và tương đương tiền	349	260	34.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.3	196	-93.7%
Hàng tồn kho	142	92.2	54.4%
Tài sản ngắn hạn khác	45.9	39.1	17.5%
Tài sản dài hạn	**1,718**	**1,607**	**6.9%**
Phải thu dài hạn	0.59	0.58	3.1%
Tài sản cố định	1,411	961	46.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	153	493	-68.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	152	151	1.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.64**	**1.25**	**31.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	266	317	-16.1%
Nợ ngắn hạn	**248**	**280**	**-11.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	9.80	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.19	2.19	-0.4%
Nợ dài hạn	18.5	37.5	-50.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	36.2	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,079**	**1,877**	**10.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,079**	**1,877**	**10.8%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)